

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
TP. HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **48/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/8/2022

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Kim Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân : **1. Bà Tạ Thị Thà**

2. Bà Trần Thị Kim Dung

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc**

- *Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai*

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 829/2021/HSST ngày 14/12/2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/07/2022; quyết định hoãn phiên tòa số 91/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Thân Thị D-** sinh năm 1992(có mặt)

- **Bị đơn: Anh D Thanh S-** sinh năm 1985(vắng mặt)

HKTT: Căn hộ 1015 HH1, 87 L, quận H, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thân Thị D trình bày:

Về tình cảm: chị và anh D Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã S Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Đây là lần kết hôn đầu tiên của hai vợ chồng. Sau khi kết hôn, do công việc nên anh chị có xa nhau một thời gian. Sau này, khi về Việt Nam thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cãi vã thường xuyên, bản thân anh

S nóng tính nên khi cãi vã thường hay có hành động xô xát với vợ. Vợ chồng đã ly thân gần 2 năm, mặc dù sống cùng nhà nhưng không chia sẻ tình cảm, công việc, anh S cũng không đóng góp kinh tế trong sinh hoạt gia đình mà chỉ góp cùng một phần tiền học cho con... Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh D Thanh S.

Về con chung: chị D xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung là cháu D Anh T, sinh ngày 17/8/2014. Khi ly hôn, chị muốn trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở chung: chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Chị D cam kết không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

• **Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh D Thanh S trình bày:** anh xác nhận quá trình kết hôn, thời gian chung sống như chị D trình bày. Anh cho rằng, hai vợ chồng sinh sống hạnh phúc, vì một chút hiểu lầm, nguyên nhân vụn vặt nhưng lại để quá lâu không giải quyết nên mới dẫn đến việc chị D gửi đơn ly hôn, bản thân anh vẫn còn yêu vợ, muốn hàn gắn gia đình, nhưng nếu chị D vẫn cương quyết muốn ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: anh S xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung là D Anh T, sinh ngày 17/8/2014. Nếu buộc phải ly hôn, anh cũng đồng ý để vợ trực tiếp chăm sóc con chung. Cấp dưỡng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở chung: anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: anh S cam kết không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: nguyên đơn là chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh S. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, nếu chị có rút đơn về đoàn tụ thì mọi việc lại vẫn diễn ra như xưa, không thể thay đổi được gì vì vợ chồng chị đã quá lâu không còn nói chuyện, chia sẻ tình cảm, công việc với nhau.

Về con chung, chị muốn trực tiếp nuôi con chung, không đề nghị anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nhà ở chung: anh và chị đã tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: chị cam kết không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh D Thanh S vắng mặt tại phiên tòa lần hai.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

+ **Về hôn nhân:** chị Thân Thị D và anh D Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã S Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Đây là lần kết hôn đầu tiên của cả hai anh chị nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Chị D và anh S đã sống ly thân. Do đó, xác định chị D, anh S mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 51, 56 Luật HNGĐ 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh S

+ **Về con chung:** Xác định anh chị có 01 con chung là cháu D Anh T, sinh ngày 17/8/2014. Quá trình giải quyết vụ án anh chị cùng thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Thu là con gái, cần sự chăm sóc của người mẹ nên giao con chung cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp, do đó căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ 2014 đề nghị HĐXX giao con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ **Về tài sản chung:** Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ **Về nợ chung:** Anh, chị cam kết không vay nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết

+ **Về án phí:** chị Thân Thị D chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** việc chị Thân Thị D xin ly hôn với anh D Thanh S, anh S có hộ khẩu tại: căn hộ 1015 HH1, 87 Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** chị Thân Thị D và anh D Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn 07/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã S Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh S là hợp pháp.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: mâu thuẫn giữa chị D và anh S là có thật, nguyên nhân là do vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, không có sự chia sẻ và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Anh, chị đã ly thân 2 năm mặc dù vẫn sống chung một nhà. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần để anh chị đoàn tụ nhưng không thành, Tòa án cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để chị D và anh S hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng anh chị vẫn không thể tìm được tiếng nói chung, anh chị đều đồng thuận ly hôn nhưng anh D không lên Tòa án tham gia buổi hòa giải nên Tòa án không lập được biên bản hòa giải thành và đưa vụ án ra xét xử. Do vậy, căn cứ vào điều 56 luật hôn nhân gia đình thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh S đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, cho chị D được ly hôn anh S.

[3] **Về con chung:** chị D và anh S cùng xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 01 con chung là cháu D Anh T, sinh ngày 17/8/2014. Khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S cũng đồng ý để chị D trực tiếp nuôi con chung nếu anh chị ly hôn.

Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị D, hội đồng xét xử thấy: chị D hiện đang làm tại công ty cổ phần bất động sản MGVN, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/ tháng. Con chung của anh chị là con gái và còn rất nhỏ nên cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con chung sau ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao con chung D Anh T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc đóng góp nuôi con chung cho anh S kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

[4] **Về tài sản chung, nhà ở chung:** anh, chị tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Về khoản nợ chung:** anh, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] **Về án phí:** Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 51,56 và điều 81,82, 83,116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điều 28,35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Thân Thị D. Chị Thân Thị D được ly hôn với anh D Thanh S.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu D Anh T, sinh ngày 17/8/2014 cho chị Thân Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh D Thanh S cho đến khi con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh D Thanh S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung : chị D và anh S tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Anh, chị cam kết không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp tại biên lai số AA/2020/0049712 ngày 14/12/2021 của chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Chị Ngọc đã nộp đủ án phí sơ thẩm

6. Về quyền kháng cáo: Chị Thân Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D Thanh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân xã S Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh (Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2014; quyển số 01/2012 ngày 07/02/2014);
- Các đương sự
- Lưu HS+ VP

Trần Thị Kim Cúc

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Bình Minh có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Kiều Thị Lan Hương vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn ngày kể từ ngày niêm yết bản án theo luật định./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**